ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN KHÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022

Tháng 12 năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5792/QĐ-UBND	*An Khê, ngày 27 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các xã, phường

UỶ BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thị xã An Khê về việc quyết định dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách thị xã năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã tại Tờ trình số 103/TTr-TCKH ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, dự toán chi ngân sách của các xã, phường năm 2022 (*theo các biểu mẫu đính kèm).*

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 được giao, UBND các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 theo đúng quy định; đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tiếp tục bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 như sau:

+ 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2021 của UBND thị xã giao;

+ 10% tiết kiệm chi thường xuyên *(trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ);*

+ Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 còn dư chuyển sang (*nếu có*);

+ 70% nguồn tăng thu dự toán HĐND xã, phường giao so với thị xã giao năm 2022;

- Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 trước ngày 31/12/2021 và báo cáo kết quả về Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã để tổng hợp, báo cáo UBND thị xã.

- Đối với nguồn thu từ tiền cho thuê đất trên địa bàn xã được để lại 80% cho ngân sách xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ Tư về ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực An Khê – Đak Pơ – Kông Chro, Giám đốc Kho bạc Nhà nước An Khê, Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Vỹ

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- UBMT TQVN thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Uỷ viện UBND thị xã;
- Cổng TTĐT thị xã;
- Lưu: VT, TCKH.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG AN PHÚ

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**11.150**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	8.476	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	2.674	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**10.700**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	5.600	
a	Thuế GTGT	5.450	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	100	
d	Thu khác ngoài quốc doanh	50	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
3	Phí, lệ phí	390	
a	Lệ phí môn bài	300	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	90	
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.230	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	3.030	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	1.200	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	285	
6	Thu tiền cho thuê đất	-	
7	Các khoản thu khác	70	
a	Thu phạt an toàn giao thông	20	
b	Các khoản thu khác	50	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	125	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**450**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	450	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**5.376**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**2.674**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**2.702**	
	Bổ sung cân đối	1.989	
	Bổ sung có mục tiêu	713	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG AN PHÚ

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**5.376**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**4.570**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	53	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	40	(2)
3	Chi từ nguồn thu phạt ATGT		
3	Các khoản chi thường xuyên còn lại	4.477	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**93**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**713**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	22	
2	Sơn, sửa nhà làm việc, hội trường, nhà vệ sinh trụ sở UBND phường	300	*QĐ phê duyệt dự toán 5316/QĐ-UBND ngày 19/11/2021*
3	Kinh phí thực hiện trồng cây xanh (theo Văn bản số: 1538/UBND-TCKH ngày 23/9/2021 của UBND thị xã)	391	*Phân bổ khi dự toán được duyệt*
3.1	Đường Lê Duẩn (từ đường Đỗ Trạc đến khu dân cư Hoàng Hoa Thám)	200	
3.2	Đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ đường Quang Trung-Ngã 5 Ngô Mây thuộc địa bàn phường Tây Sơn)	191	

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 112 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG TÂY SƠN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**4.845**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	3.546	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	1.299	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**4.525**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	1.830	
a	Thuế GTGT	1.800	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB		
d	Thu khác ngoài quốc doanh	30	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
3	Phí, lệ phí	150	
a	Lệ phí môn bài	90	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	60	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.100	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	1.000	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	1.100	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	155	
6	Thu tiền cho thuê đất	-	
7	Các khoản thu khác	170	
a	Thu phạt an toàn giao thông	20	
b	Các khoản thu khác	150	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	120	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**320**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	320	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**5.308**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**1.299**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**4.009**	
	Bổ sung cân đối	2.962	
	Bổ sung có mục tiêu	1.047	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG TÂY SƠN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**5.308**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	-	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**4.176**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	45	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	40	(2)
3	Các khoản chi thường xuyên còn lại	4.091	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**85**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**1.047**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	8	
2	Kinh phí thực hiện trồng cây xanh (theo Văn bản số: 1538/UBND-TCKH ngày 23/9/2021 của UBND thị xã)	1.039	*Phân bổ khi dự toán được duyệt*
2.1	Đường Nguyễn Lữ (Đường Ngô Thì Nhậm đến đường bê tông) Trồng mới 200 cây Tử vi D=3-5CM, H=2-2,5M. Khoảng cách cây 10-12m	538	
2.2	Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến Trần Hưng Đạo) Trồng mới 60 cây Bằng Lăng D=3-5CM, H=2-2,5M. Khoảng cách cây 10-12m	161	
2.3	Đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ đường Quang Trung-Ngã 5 Ngô Mây) Trồng mới 300 cây Lộc vừng D=5-7CM, H=3-3,5M. Khoảng cách cây 10-12m	340	

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 112 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG AN BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**3.055**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	2.254	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	801	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**2.735**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	1.030	
a	Thuế GTGT	1.030	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	-	
d	Thu khác ngoài quốc doanh		
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
3	Phí, lệ phí	100	
a	Lệ phí môn bài	50	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	50	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.200	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	500	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	700	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150	
6	Thu tiền cho thuê đất	120	
7	Các khoản thu khác	45	
a	Thu phạt an toàn giao thông	10	
b	Các khoản thu khác	35	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	90	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**320**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	320	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**4.491**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**801**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**3.690**	
	Bổ sung cân đối	3.495	
	Bổ sung có mục tiêu	195	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG AN BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**4.491**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**4.210**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	34	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	30	(2)
3	Các khoản chi thường xuyên còn lại	4.146	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**86**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**195**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	8	
2	Công viên phường An Bình - Hạng mục Sân bê tông và bó vỉa bồn hoa - Trồng 295,1m2 cỏ đậu	187	QĐ số 5012/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND thị xã

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 107 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG AN TÂN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**2.915**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	2.126	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	789	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**2.635**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	965	
a	Thuế GTGT	950	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	-	
d	Thu khác ngoài quốc doanh	15	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
3	Phí, lệ phí	80	
a	Lệ phí môn bài	40	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	40	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.390	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	470	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	920	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	85	
6	Thu tiền cho thuê đất	10	
7	Các khoản thu khác	75	
a	Thu phạt an toàn giao thông	40	
b	Các khoản thu khác	35	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	30	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**280**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	280	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**6.035**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**789**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**5.246**	
	Bổ sung cân đối	2.900	
	Bổ sung có mục tiêu	2.346	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG AN TÂN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**6.035**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**3.615**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	24	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	30	(2)
3	Các khoản chi thường xuyên còn lại	3.561	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**74**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**2.346**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	7	
2	Kinh phí thực hiện trồng cây xanh, cải tạo mương thoát nước, lát gạch vỉa hè (theo Văn bản số: 1538/UBND-TCKH ngày 23/9/2021 của UBND thị xã)	2.339	*Phân bổ khi dự toán được duyệt*
2.1	Đường Nguyễn Văn Linh Trồng mới 120 cây Ngọc Lan D=5-7CM, H=3-3,5M. Khoảng cách cây 12-15m	468	
2.2	Đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ đường Quang Trung-Ngã 5 Ngô Mây) Trồng mới 300 cây Lộc vừng D=5-7CM, H=3-3,5M. Khoảng cách cây 10-12m	456	
2.3	Đường Ngô Mây (đoạn từ Ngã 5 Ngô Mây đến đường Tôn Đức Thắng) Trông mới 100 cây sao đen D=5-7CM, H=3-3,5M. Khoảng cách cây 10-12m	334	
2.4	Đường Ngô Mây (đoạn từ đường Quang Trung đến Ngã 5 đường Ngô mây), - Chiều dài L=220m, cải tạo mương thoát nước, làm lại bó vỉa, vỉa hè lát gạch Block	786	Huy động đóng góp phần gạch để lát vỉa hè
2.5	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Quang Trung đến đường Nguyễn Hữu Hảo); Chiều dài L=163m, cải tạo mương thoát nước, làm lại bó vỉa, vỉa hè lát gạch Block	295	Huy động đóng góp phần gạch để lát vỉa hè

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 101 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG NGÔ MÂY

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**1.830**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	1.365	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	465	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**1.670**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	570	
a	Thuế GTGT	550	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	-	
d	Thu khác ngoài quốc doanh	20	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
3	Phí, lệ phí	60	
a	Lệ phí môn bài	35	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	25	
4	Thuế thu nhập cá nhân	630	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	270	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	360	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	55	
6	Thu tiền cho thuê đất	250	
7	Các khoản thu khác	75	
a	Thu phạt an toàn giao thông	10	
b	Các khoản thu khác	65	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	30	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**160**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	160	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**3.726**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**465**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**3.261**	
	Bổ sung cân đối	3.255	
	Bổ sung có mục tiêu	6	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG NGÔ MÂY

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**3.726**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**3.646**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	23	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	30	(2)
3	Các khoản chi thường xuyên còn lại	3.593	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**74**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**6**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	6	

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 97 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG AN PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**550**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	367	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	183	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**500**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	85	
a	Thuế GTGT	80	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	-	
d	Thu khác ngoài quốc doanh	5	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
3	Phí, lệ phí	20	
a	Lệ phí môn bài	5	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	15	
4	Thuế thu nhập cá nhân	190	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	40	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	150	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10	
6	Thu tiền cho thuê đất	100	
7	Các khoản thu khác	80	
a	Thu phạt an toàn giao thông	10	
b	Các khoản thu khác	70	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	15	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**50**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	50	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**4.342**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**183**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**4.159**	
	Bổ sung cân đối	3.404	
	Bổ sung có mục tiêu	755	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
PHƯỜNG AN PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**4.342**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**3.515**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	16	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	30	(2)
3	Các khoản chi thường xuyên còn lại	3.469	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**72**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**755**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	5	
2	Sân vận động phường An Phước Diện tích tích san lấp sân vận động là 11.956,26m2; khối lượng đào bóc lớp phong hóa là 613,55m3; khối lượng đào đất là 8.161,57m3; khối lượng đất đắp nền là 4.427,19m3	300	
3	Bàu Cầu Sình - Nạo vét, mở rộng lòng hồ diện tích 6.679m2 - Mở rộng bờ hồ: 2.031m2 - Kè đá 74,13m - Sửa chữa cống lấy nước	450	

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách : 98 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ THÀNH AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**790**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	374	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	416	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**720**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	215	
a	Thuế GTGT	210	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	-	
d	Thu khác ngoài quốc doanh	5	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
3	Phí, lệ phí	40	
a	Lệ phí môn bài	10	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	30	
4	Thuế thu nhập cá nhân	270	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	110	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	160	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15	
6	Thu tiền cho thuê đất	120	
7	Các khoản thu khác	55	
a	Thu phạt an toàn giao thông	10	
b	Các khoản thu khác	45	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	5	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**70**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	70	
3	Thu cấp QSD đất		
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**4.000**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**416**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**3.584**	
	Bổ sung cân đối	3.579	
	Bổ sung có mục tiêu	5	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ THÀNH AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**4.000**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất		
II	**Chi thường xuyên**	**3.915**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	21	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	20	(2)
3	Chi từ tiền cho thuê đất	96	(3)
4	Các khoản chi thường xuyên còn lại	3.778	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**80**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**5**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	5	

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 117 triệu đồng:

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

(3) - Chi từ nguồn thu tiền cho thuê đất: bố trí thực hiện các nội dung chương trình nông thôn mới

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ SONG AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**834**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	381	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	453	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**774**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	235	
a	Thuế GTGT	220	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	-	
d	Thu khác ngoài quốc doanh	15	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
3	Phí, lệ phí	40	
a	Lệ phí môn bài	20	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	20	
4	Thuế thu nhập cá nhân	250	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	110	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	140	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20	
6	Thu tiền cho thuê đất	180	
7	Các khoản thu khác	45	
a	Thu phạt an toàn giao thông	10	
b	Các khoản thu khác	35	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	4	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**60**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	60	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**5.278**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**453**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**4.825**	
	Bổ sung cân đối	3.585	
	Bổ sung có mục tiêu	1.240	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ SONG AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**5.278**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**3.957**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	18	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	20	(2)
3	Chi từ tiền cho thuê đất	144	(3)
4	Các khoản chi thường xuyên còn lại	3.775	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**81**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**1.240**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	5	
2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Song An: Thay mới mái tôn, chống thấm lại sê nô, ô văng; lắp đặt bổ sung ống thoát nước mái; tháo dỡ đà và trần cũ và đóng lại trần bằng tấm thạch tấm thả; tháo dỡ cửa sắt cũ và thay thế cửa nhôm; phá dỡ nền gạch cũ và lát lại toàn bộ bằng gạch ceramic	500	QĐ số 5502/QĐ-UBND ngày 29/11/2021
3	Trồng mới 10,1 ha rừng thông cảnh quan (Dự án chuyển tiếp)	135	QĐ số 2446/QĐ-UBND ngày 03/10/2019
4	Dự án Khuyến nông: Mô hình nuôi Dúi (Cà Sóc)	100	
5	Thủy lợi Suối Tôm Kênh BTXM L = 320,0m, kích thước bxh = (0,4x 0,6)m; dày 8cm	500	QĐ số 5571/QĐ-UBND ngày 10/12/2021

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 114 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

(3) - Chi từ nguồn thu tiền cho thuê đất: bố trí thực hiện các nội dung chương trình nông thôn mới

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ TÚ AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**530**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	210	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	320	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**500**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	125	
a	Thuế GTGT	120	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	-	
d	Thu khác ngoài quốc doanh	5	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
3	Phí, lệ phí	30	
a	Lệ phí môn bài	8	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	22	
4	Thuế thu nhập cá nhân	130	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	60	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	70	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10	
6	Thu tiền cho thuê đất	130	
7	Các khoản thu khác	70	
a	Thu phạt an toàn giao thông	10	
b	Các khoản thu khác	60	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	5	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**30**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	30	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**4.304**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**320**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**3.984**	
	Bổ sung cân đối	3.679	
	Bổ sung có mục tiêu	305	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ TÚ AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**4.304**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**3.919**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	27	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	20	(2)
3	Chi từ tiền cho thuê đất	104	(3)
4	Các khoản chi thường xuyên còn lại	3.768	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**80**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**305**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	5	
2	Sửa chữa, cải tạo Đập làng Nhoi Nạo vét, mở rộng lòng hồ diện tích 10.000m2, sửa chữa van xả nước	300	QĐ số 5570/QĐ-UBND ngày 10/12/2021

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 114 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

(3) - Chi từ nguồn thu tiền cho thuê đất: bố trí thực hiện các nội dung chương trình nông thôn mới

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ CỬU AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**398**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	138	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	260	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**388**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	85	
a	Thuế GTGT	80	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	-	
d	Thu khác ngoài quốc doanh	5	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
3	Phí, lệ phí	20	
a	Lệ phí môn bài	5	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	15	
4	Thuế thu nhập cá nhân	90	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	40	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	50	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10	
6	Thu tiền cho thuê đất	60	
7	Các khoản thu khác	120	
a	Thu phạt an toàn giao thông	10	
b	Các khoản thu khác	110	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	3	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**10**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	10	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**4.941**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**260**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**4.681**	
	Bổ sung cân đối	3.426	
	Bổ sung có mục tiêu	1.255	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ CỬU AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**4.941**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**3.612**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	13	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	20	(2)
3	Chi từ tiền cho thuê đất	48	(3)
4	Các khoản chi thường xuyên còn lại	3.531	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**74**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**1.255**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	5	
2	Sửa chữa, cải tạo Bàu Bàng xã Cửu An; Gia cố mái thượng lưu bằng đá xây L=124,24m; tràn xả lũ BTCT đá 1x2 rộng 5,3m; ống lấy nước bằng thép d300m; nạo vét lòng hồ diện tích 14000m2	1.250	QĐ số 5569/QĐ-UBND ngày 10/12/2021

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 112 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

(3) - Chi từ nguồn thu tiền cho thuê đất: bố trí thực hiện các nội dung chương trình nông thôn mới

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ XUÂN AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**388**	
	Thu ngân sách thị xã hưởng	146	
	Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp	242	
I	**Các đội thuế, UBND xã, phường thu**	**373**	
1	Thu từ hộ kinh doanh cá thể	85	
a	Thuế GTGT	80	
b	Thuế tài nguyên	-	
c	Thuế TTĐB	-	
d	Thu khác ngoài quốc doanh	5	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
3	Phí, lệ phí	20	
a	Lệ phí môn bài	5	
b	Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài)	15	
4	Thuế thu nhập cá nhân	90	
a	Thuế TNCN từ kinh doanh hộ cá thể	40	
b	Thuế TNCN do Chi cục thuế thu trên địa bàn	50	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5	
6	Thu tiền cho thuê đất	100	
7	Các khoản thu khác	70	
a	Thu phạt an toàn giao thông	10	
b	Các khoản thu khác	60	
8	Phạt vi phạm HC do cơ quan thuế thực hiện	3	
II	**Thu tại Chi cục thuế**	**15**	
1	Thu ngoài quốc doanh - DN và HTX	-	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	15	
3	Thu cấp QSD đất	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1+2)**	**3.742**	
1	**Thu ngân sách xã, phường hưởng theo phân cấp**	**242**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách thị xã**	**3.500**	
	Bổ sung cân đối	3.495	
	Bổ sung có mục tiêu	5	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
XÃ XUÂN AN

(Kèm theo Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+...+V)	**3.742**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**-**	
1	Chi từ tiền sử dụng đất	-	
II	**Chi thường xuyên**	**3.662**	(1)
	Trong đó		
1	Chi sự nghiệp giáo dục	16	(2)
2	Chi các hoạt động môi trường	20	(2)
3	Chi từ tiền cho thuê đất	80	
4	Các khoản chi thường xuyên còn lại	3.546	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**75**	
IV	**Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa**		
V	**Bổ sung có mục tiêu**	**5**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	5	

Ghi chú :

(1) - Bao gồm 10% tiết kiệm năm đầu kỳ ổn định ngân sách: 114 triệu đồng

(2) - Chi sự nghiệp giáo dục là mức tối thiểu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã. Chi sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường khu dân cư, tưới cây và một số hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định…

(3) - Chi từ nguồn thu tiền cho thuê đất: bố trí thực hiện các nội dung chương trình nông thôn mới